

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 92/2019/HNGĐ - ST

Ngày 30-9-2019

“Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Việt

2. Ông Lê Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 521/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số 8/53, khóm Thới Hòa, phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P (Nguyễn Hồng P), sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 8/53, khóm Thới Hòa, phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà P tự quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào khoảng năm 1989, sau đó vợ chồng ông bà ly

hôn theo Quyết định số 392/2015/QĐST ngày 19/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, đến ngày 25/5/2016 ông bà đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tình tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, dù cả hai có tìm cách hàn gắn nhiều lần nhưng không được, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà P.

Về quan hệ con chung: Có hai con chung tên Phạm Thị Xuân N, sinh ngày 06/06/1986 và Phạm Thị Xuân H, sinh ngày 17/7/1988, hiện các con đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lao động, sinh sống.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân. Ông bà do tự quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào khoảng năm 1989, sau đó vợ chồng ông bà do mâu thuẫn nên có ly hôn theo Quyết định số 392/2015/QĐST ngày 19/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, đến ngày 25/5/2016 ông bà có đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn không trầm trọng đến mức phải ly hôn ly hôn. Nay qua yêu cầu xin ly hôn của ông T thì bà không đồng ý vì bà vẫn còn tình cảm với ông T và muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của ông T, vợ chồng có hai con chung tên Phạm Thị Xuân N, sinh ngày 06/06/1986 và Phạm Thị Xuân H, sinh ngày 17/7/1988, hiện hai con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lao động, sinh sống.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

* Nguyên đơn ông Phạm Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông T được ly hôn với bà P, vì cả hai có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn; Về con chung: Các con hiện nay đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lao động, sinh sống; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T, yêu cầu được đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về con chung: Hiện các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lao động, sinh sống; Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn Phạm Văn T và bị đơn Nguyễn Thị Hồng P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn Nguyễn Thị Hồng P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Về hôn nhân: Ông T và bà P tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống ông T cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong đời sống vợ chồng, tính tình không phù hợp nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Riêng, bà P cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ xuất phát từ trong sinh hoạt gia đình nên vợ chồng có xảy ra cự cãi, nhưng không trầm trọng đến mức ly hôn, bà P yêu cầu được đoàn tụ với ông T để hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Xem xét ý kiến của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phải thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho cuộc hôn nhân hạnh phúc. Hôn nhân giữa ông T và bà P là hôn nhân tự nguyện nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không cố gắng xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường hay bất hòa dẫn đến vợ chồng ly hôn vào năm 2015. Sau đó vợ chồng đăng ký kết hôn lại vào năm 2016, lẽ ra với lần kết hôn này cả hai phải trân trọng tình cảm của nhau và cùng nhau vun đắp tình cảm vợ chồng ngày càng bền vững, thế nhưng cũng như lần kết hôn trước, vợ chồng chỉ chung sống với nhau được một thời gian thì tiếp tục phát sinh mâu

thuần dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc và cả hai thừa nhận trước khi ông T xin ly hôn thì cả hai đã nhiều lần gửi đơn xin ly hôn đến tòa án điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Hiện nay vợ chồng đang sống ly thân, trong thời gian này Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian để ông T, và bà P hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mỗi người chỉ lo cho cuộc sống cá nhân mà không có tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng của ông bà không thể hàn gắn nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Việc bà không đồng ý ly hôn và xin gắn tình cảm vợ chồng chỉ là lời trình bày của bà và do sĩ diện bản thân chứ bà không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ nhận định nêu trên, việc ông Thảo yêu cầu ly hôn với bà P là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông T, bà P có hai con chung tên Phạm Thị Xuân Ng, sinh ngày 06/06/1986 và Phạm Thị Xuân H, sinh ngày 17/7/1988. Hiện hai con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lao động, sinh sống.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn ông Phạm Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng P.

[2] Về con chung: Ông T, bà P có hai con chung tên Phạm Thị Xuân N, sinh ngày 06/06/1986 và Phạm Thị Xuân H, sinh ngày 17/7/1988. Hiện hai con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lao động, sinh sống.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Phạm Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0005009 ngày 06/8/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THA TPLX;
- VKS TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Mỹ Thạnh;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền